

Số: /TTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết quy định kinh phí cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 30/3/2026 của Thường trực HĐND tỉnh về kế hoạch tổ chức các kỳ họp thường lệ năm 2026 của HĐND tỉnh; xét đề nghị của Sở Tư pháp tại văn bản số 1384/TTr-STP ngày 03/6/2026; ý kiến thống nhất đồng ý (bằng phiếu biểu quyết) của thành viên UBND tỉnh; UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định kinh phí cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Cơ sở pháp lý

Thực hiện quy định tại các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính: số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06/7/2022), Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và các văn bản pháp luật liên quan; HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 về đảm bảo kinh phí cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

Ngày 30/4/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, trong đó tại mục 7 đã xác định nhiệm vụ về thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật: “Bảo đảm chi cho công tác xây dựng pháp luật không thấp hơn 0,5% tổng chi ngân sách hằng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển”.

Thể chế hóa định hướng này, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số

197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 quy định về việc thực hiện khoán chi theo từng nhiệm vụ hoặc theo từng hoạt động cho công tác xây dựng pháp luật, giao quyền chủ động cho người đứng đầu cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ, hoạt động được quyết định nội dung chi, thay đổi nội dung chi theo nguyên tắc quy định tại Nghị quyết này và chịu trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách được giao. Về mức chi, Nghị quyết số 197/2025/QH15 đã nâng mức chi đối với hoạt động xây dựng Nghị quyết của HĐND cấp tỉnh lên 250 triệu đồng, Quyết định của UBND cấp tỉnh lên 100 triệu đồng¹, cao hơn so với mức quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC), đồng thời giao Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết.

Ngày 06/11/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 289/2025/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15, trong đó đã bổ sung nội dung quy định một số mức chi chưa được quy định trong Nghị quyết số 197/2025/QH15, cụ thể tại khoản 2 Điều 5 quy định:

“Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh, nghị quyết của HĐND cấp xã, quyết định của UBND cấp xã do HĐND cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản QPPL, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây:

a) Quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản”.

Đồng thời, khoản 2 Điều 3 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định: *“Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản QPPL là... nghị quyết của HĐND các cấp; quyết định của UBND các cấp, quyết định của Chủ tịch UBND cấp tỉnh do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ trong phạm vi tổng mức chi quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 hoặc quy định tại Điều 5 của Nghị định này”.*

Hiện nay, Thông tư số 338/2016/TT-BTC đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 19/2026/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01/5/2026). Trong khi đó, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP không quy định rõ định mức khoán chi cụ thể cho các nhiệm vụ trong tổng mức chi thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND các cấp, không quy định mức khoán đối với từng hoạt động trong từng nhiệm vụ; đồng thời quy định một số nội dung mới về mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát văn bản. Đối với mức chi kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản và mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cần điều chỉnh một số văn bản dẫn chiếu việc thực hiện theo một số văn bản đã được sửa đổi, bổ sung. Theo đó, cơ bản quy định về nội dung, mức chi ban hành kèm theo Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND đã không còn phù hợp.

Khoản 1 Điều 16 Luật Tổ chức chính quyền địa phương quy định UBND tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn:

¹ Mức chi tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC):

- Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh: văn bản được ban hành mới hoặc thay thế là 30 triệu đồng; văn bản sửa đổi, bổ sung là 24 triệu đồng.

- Đối với Quyết định của UBND tỉnh: văn bản được ban hành mới hoặc thay thế là 20 triệu đồng; văn bản sửa đổi, bổ sung là 16 triệu đồng.

1. Xây dựng, trình HĐND cùng cấp xem xét ban hành nghị quyết để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, các điểm a, b, c, d, đ khoản 2, các khoản 3², 4, 5, 6, 7 và 8 Điều 15 của Luật này và tổ chức thực hiện nghị quyết của HĐND cùng cấp”.

Theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước, HĐND tỉnh có thẩm quyền “Quyết định cụ thể hoặc giao cho UBND cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản QPPL thì ban hành văn bản QPPL thay thế văn bản QPPL hiện hành trong trường hợp “Sửa đổi, bổ sung về nội dung quá một phần hai tổng số điều”.

Điểm a, điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15) quy định HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên”; “biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên”.

Tại các văn bản của Bộ Tư pháp: số 31/BTP-PLDSKT ngày 07/01/2026 và số 1614/BTP-VP ngày 18/3/2026 có nội dung hướng dẫn trên cơ sở thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh tại Luật Ngân sách nhà nước năm 2025, Luật Ban hành văn bản QPPL số 64/2025/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15), HĐND tỉnh có thể ban hành Nghị quyết quy định về danh mục, nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản QPPL tại địa phương. Đồng thời, tại Văn bản số 1590/BTP-BTP-PLDSKT ngày 17/3/2026 của Bộ Tư pháp trả lời Sở Tư pháp tỉnh Bắc Ninh có nội dung “HĐND cấp tỉnh cũng được ban hành Nghị quyết để hướng dẫn định mức khoán chi cho nhiệm vụ, hoạt động xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh” và cũng khẳng định việc đề xuất phương án ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định về các nội dung này là phù hợp với quy định của pháp luật.

Do vậy, việc HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết này là phù hợp về thẩm quyền.

2. Cơ sở thực tiễn

Bên cạnh các căn cứ pháp lý nêu trên, khối lượng nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản QPPL của tỉnh ngày càng tăng trong bối cảnh sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện các nghị quyết về cơ chế đặc thù và yêu cầu mới về phân cấp, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước. Trong khi đó, các mức chi hiện

² Điểm c khoản 3 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định:

“...c) Quyết định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp mình; điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương trong trường hợp cần thiết; phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương; quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước”.

hành trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND đã không còn phù hợp với yêu cầu mới, chưa đáp ứng khối lượng công việc ngày càng gia tăng và chưa bao quát đầy đủ các sản phẩm bắt buộc theo quy trình xây dựng văn bản hiện nay (đánh giá tác động của việc phân cấp, truyền thông dự thảo...).

Bên cạnh đó, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định một số mức chi theo khung áp dụng chung trong phạm vi cả nước; không quy định mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản QPPL tại địa phương nên các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh còn lúng túng, chưa có cơ sở cụ thể thực hiện mức chi nên chưa thể áp dụng mức kinh phí quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định 289/2025/NĐ-CP. Do đó, cần thiết phải ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh để quy định mức chi phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Thực tiễn cũng cho thấy nguồn lực bố trí cho công tác xây dựng văn bản QPPL chưa tương xứng với yêu cầu cải cách, đổi mới; chưa tạo điều kiện đầy đủ để cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức nghiên cứu sâu, tham vấn rộng và hoàn thiện hồ sơ bảo đảm chất lượng cao theo yêu cầu của Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

Vì vậy, việc ban hành Nghị quyết để quy định kinh phí phù hợp thực tiễn, thống nhất, đồng thời thay thế Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND là cần thiết, đảm bảo cơ sở pháp lý.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Việc ban hành Nghị quyết nhằm hoàn thiện cơ chế tài chính bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; mức chi cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu đổi mới theo Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 197/2025/QH15 của Quốc hội, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan. Nghị quyết tạo cơ sở pháp lý thống nhất để áp dụng mức chi phù hợp giữa các cơ quan, đơn vị. Qua đó, bảo đảm nguồn lực để nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật, phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, điều hành phát triển kinh tế - xã hội và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng chủ trương, đường lối của Đảng; phù hợp với quy định của Hiến pháp, pháp luật và các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên. Nội dung Nghị quyết thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh, kế thừa các quy định còn phù hợp và đồng thời cập nhật, điều chỉnh trên cơ sở yêu cầu thực tiễn quản lý nhà nước và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo tính khả thi, đồng bộ, công khai, minh bạch, phù hợp với điều kiện ngân sách của tỉnh.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Ngày 16/4/2026, UBND tỉnh ban hành Tờ trình số 201/TTr-UBND về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết gửi Thường trực HĐND tỉnh.

2. Ngày 29/4/2026, Thường trực HĐND tỉnh có Văn bản số 261/HĐND chấp thuận việc xây dựng Nghị quyết.

3. Ngày 04/5/2026, UBND tỉnh có Văn bản số 3741/UBND-NC₃ giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nghiên cứu, thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục xây dựng Nghị quyết nêu trên theo đúng quy trình, quy định, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thường lệ giữa năm 2026.

4. Ngày 06/5/2026, Sở Tư pháp có Văn bản số 1023/STP-XDPL gửi Ban Pháp chế; Ban Kinh tế - Ngân sách; Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Sở Tài chính đề nghị cử cán bộ tham gia Tổ soạn thảo văn bản QPPL. Ngày 11/5/2026, Giám đốc Sở Tư pháp ban hành Quyết định thành lập Tổ soạn thảo, tổ chức soạn thảo dự thảo Nghị quyết và các dự thảo liên quan.

5. Sở Tư pháp tổ chức việc lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp và các cơ quan, đơn vị liên quan tại Văn bản số 1092/STP-XDPL ngày 12/5/2026, Văn bản số 1138/STP-XDPL ngày 15/5/2026; gửi Văn phòng UBND tỉnh đề nghị đăng tải hồ sơ dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh. Kết quả: Có 52 cơ quan, đơn vị, tổ chức được lấy ý kiến đã có văn bản tham gia ý kiến, trong đó 30 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Nghị quyết; 22/52 cơ quan có ý kiến tham gia. Về kết quả đăng tải hồ sơ dự thảo lên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh đã có Văn bản số 107/CBTH-HC ngày 25/5/2026 theo đó không có ý kiến nào đóng góp ý kiến đối với dự thảo.

6. Trên cơ sở tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các đơn vị, địa phương, ngày 28/5/2026, Sở Tư pháp đã tổ chức cuộc họp lấy ý kiến hoàn thiện dự thảo với sự tham gia của đại diện: Ban Pháp chế HĐND tỉnh, Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh; các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Nội vụ và thành viên Tổ soạn thảo dự thảo Nghị quyết được thành lập theo Quyết định số 187/QĐ-STP ngày 11/5/2026 của Giám đốc Sở Tư pháp. Sau cuộc họp, đã hoàn thiện dự thảo và ban hành Văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị góp ý (lần 2) đối với dự thảo. Kết quả có 06 đơn vị có văn bản tham gia ý kiến, trong đó có 02 đơn vị nhất trí và 04 đơn vị có ý kiến góp ý đối với dự thảo.

7. Sở Tư pháp đã thành lập Hội đồng thẩm định, thực hiện thẩm định dự thảo tại Báo cáo thẩm định số 256/BC-STP ngày 02/6/2026.

8. Hoàn thiện dự thảo Nghị quyết và các văn bản liên quan, trình UBND tỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; định mức khoán chi đối với xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh.

(Nghị quyết không quy định nội dung chi, mức chi văn bản QPPL của cấp xã do hiện nay thẩm quyền quyết định tổng mức chi trong xây dựng Nghị quyết của

HĐND cấp xã, quyết định của UBND cấp xã do HĐND cấp xã quyết định; Danh mục nhiệm vụ, hoạt động và định mức khoán chi cho từng nhiệm vụ, hoạt động đối với xây dựng văn bản QPPL cấp xã do người đứng đầu cơ quan thực hiện nhiệm vụ, hoạt động chủ động quyết định hoặc ban hành quy định, quy chế để áp dụng nội bộ. Nghị quyết số 197/2025/QH15 và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP không quy định thẩm quyền của HĐND tỉnh trong việc quyết định nội dung và định mức chi cho xây dựng văn bản QPPL cấp xã. UBND tỉnh sẽ chỉ đạo Sở Tư pháp có văn bản triển khai, dẫn chiếu các quy định pháp luật để các địa phương thực hiện theo thẩm quyền).

- Mức chi, định mức khoán chi đối với công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL các cấp trên địa bàn tỉnh.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP, Thông tư số 09/2023/TT-BTC, Thông tư số 64/2021/TT-BTC và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc được giao nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản QPPL cấp tỉnh, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc đảm bảo kinh phí phục vụ xây dựng văn bản QPPL cấp tỉnh, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

3. Bộ cục của dự thảo Nghị quyết

Nghị quyết dự kiến bao gồm 09 Điều, cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Tổng mức chi trong xây dựng quyết định ban hành mới hoặc thay thế quyết định QPPL của Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 4. Định mức khoán chi đối với xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 5. Mức chi, định mức khoán chi đối với công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL

Điều 6. Mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Điều 7. Nguồn kinh phí thực hiện và thanh, quyết toán

Điều 8. Điều khoản thi hành

Điều 9. Tổ chức thực hiện

4. Nội dung cơ bản

4.1. Nghị quyết quy định tổng mức chi xây dựng văn bản QPPL và tổng mức khoán chi cho các nhiệm vụ trong công tác xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, trong đó:

a) Nghị quyết quy định tổng mức chi đối với xây dựng mới, thay thế Quyết định QPPL của Chủ tịch UBND tỉnh: 30.000.000 đồng/văn bản, bằng với mức tham chiếu tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP.

b) Đối với định mức khoán chi cho xây dựng văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, trên cơ sở tham khảo tỷ lệ định mức xây dựng văn bản QPPL của Trung ương, quy định về quy trình xây dựng văn bản QPPL theo Luật Ban hành văn bản QPPL, các văn bản hướng dẫn thi hành và tình hình thực tiễn địa phương, dự thảo xây dựng định mức theo 03 Phụ lục kèm theo Nghị quyết. Cụ thể:

- Đối với Nghị quyết của HĐND tỉnh, đề xuất phân thành 02 loại trên cơ sở tính chất, phạm vi tác động, mức độ phức tạp của văn bản và khối lượng công việc thực tế phát sinh trong quá trình xây dựng văn bản, đồng thời bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương:

+ Đối với xây dựng Nghị quyết thuộc trường hợp quy định chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; thực hiện thí điểm các chính sách theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương: quá trình xây dựng văn bản thường phải thực hiện đầy đủ các bước nghiên cứu, khảo sát, tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động chính sách, phân tích nhiều phương án lựa chọn, lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng chịu tác động và các cơ quan, tổ chức có liên quan. Đây là nhóm nghị quyết có phạm vi ảnh hưởng lớn, tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, yêu cầu cao về chất lượng chính sách, tính khả thi và hiệu quả thực thi. Vì vậy, đề xuất áp dụng tổng mức chi 250.000.000 đồng/văn bản, tương đương mức chi quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15.

+ Đối với Nghị quyết thuộc các trường hợp còn lại quy định tại khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản QPPL (chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản QPPL của cơ quan nhà nước cấp trên; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp): nhóm văn bản này nhìn chung có mức độ phức tạp không bằng nhóm nghị quyết nêu trên, do đó khối lượng công việc và chi phí thực hiện thấp hơn, do đó đề xuất tổng mức chi là 150.000.000 đồng/văn bản, nhằm đảm bảo phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương.

- Đối với xây dựng Quyết định của UBND tỉnh là 100.000.000 đồng, Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh là 30.000.000 đồng, bằng mức quy định của Trung ương.

(Cụ thể về tỷ lệ phân chia các nhóm nhiệm vụ có bản so sánh, thuyết minh nội dung dự thảo)

- Nghị quyết quy định mức chi đối với trường hợp xây dựng văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản QPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tương ứng với mức khoán chi quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Cụ thể:

+ Văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 văn bản QPPL trở lên thì áp dụng mức chi bằng mức chi cho xây dựng 01 văn bản QPPL mới hoặc thay thế tương ứng quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này.

+ Văn bản QPPL sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 văn bản QPPL thì áp dụng bằng 60% mức chi trong xây dựng 01 văn bản QPPL tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

+ Văn bản QPPL bãi bỏ một phần hoặc bãi bỏ toàn bộ văn bản QPPL thì áp dụng tổng mức chi bằng 30% mức chi trong xây dựng 01 văn bản QPPL tương ứng quy định tại khoản 1 Điều này.

4.2. Về định mức chi, khoán chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL: ngoài định mức chi theo Thông tư số 09/2023/TT-BTC, tại dự thảo Nghị quyết dẫn chiếu định mức chi, khoán chi cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL theo quy định mới tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP. Đối với các nội dung chi, mức chi không được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm Nghị định số 289/2025/NĐ-CP thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC.

4.3. Về mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, cơ bản nội dung này kế thừa quy định tại Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND, trong đó dẫn chiếu việc thực hiện theo các văn bản QPPL hiện hành cho phù hợp.

4.4. Nghị quyết xác định nguồn kinh phí thực hiện từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành. Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

4.5. Về điều khoản thi hành:

- Về hiệu lực thi hành: việc xác định ngày có hiệu lực của Nghị quyết thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật số 64/2025/QH15 và khoản 2 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP, đảm bảo xác định rõ ngày, tháng, năm có hiệu lực thi hành và không sớm hơn 10 ngày kể từ ngày Nghị quyết được HĐND tỉnh thông qua.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 110/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về đảm bảo kinh phí cho công tác xây dựng văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp.

- Về quy định chuyển tiếp, theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP thì quy định chuyển tiếp có thể quy định thành khoản riêng tại điều quy định về hiệu lực thi hành. Do đó, dự thảo quy định thành 01 khoản tại Điều 8 với nội dung “*Văn bản QPPL do HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa được thanh toán, quyết toán thì thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 28, Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và Nghị quyết này*”.

Lý do quy định nội dung này là vì Điều 30 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định điều khoản chuyển tiếp, theo đó quy định “*trường hợp nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL được giao trước ngày 01/7/2025 mà theo kế hoạch đã được phê duyệt có hoạt động thực hiện từ ngày 01/7/2025 và trường hợp xây dựng văn bản QPPL thực hiện trước ngày 01/7/2025 và được ban hành từ ngày 01/7/2025*” được bổ sung dự toán và được chi trả, thanh, quyết toán theo định mức khoán chi quy định tại Nghị quyết số 197/2025/QH15 và tại Nghị định này. Như vậy, Nghị định số 289/2025/NĐ-CP cho phép thanh, quyết toán các nhiệm vụ xây dựng văn bản QPPL được giao trước ngày 01/7/2025 và thực hiện từ ngày 01/7/2025. Do đó, việc quy định chuyển tiếp như trên là phù hợp với quy định tại Nghị định số 289/2025/NĐ-CP và thực tiễn địa phương.

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA HOẶC BAN HÀNH

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Dự kiến về nhân lực quản lý, thực hiện: Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan. Việc triển khai Nghị quyết không làm phát sinh thêm tổ chức, biên chế mà chủ yếu sử dụng bộ máy hiện có của cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành: từ nguồn ngân sách nhà nước.

2. Thời gian trình thông qua

Dự kiến trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại Kỳ họp giữa năm 2026.

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết quy định kinh phí cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL và hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định (*gửi kèm theo: dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp và các tài liệu liên quan*).

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NC₃.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Huy Thành